

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 20 tháng 5 năm 2026

## NGHỊ QUYẾT

### Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 2238/TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.**

#### Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Đồng thời thực hiện một số nội dung sau:

- Chỉ đạo tập trung nguồn lực, ưu tiên kinh phí khuyến công được giao hàng năm để lựa chọn hỗ trợ điển hình các mô hình ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, dây chuyền công nghệ mới; hỗ trợ xây dựng các mô hình có tính lan tỏa về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để số hóa dữ liệu, tự động hóa quy trình sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ đầu tư xử lý môi trường cơ sở công nghiệp nông thôn trong khu dân cư nhằm tạo sự chuyển biến về hiệu quả trong mô hình hỗ trợ khuyến công địa phương.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn và các địa phương rà soát, đề xuất cơ chế chính sách phù hợp để đưa các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nằm xen kẽ

trong các khu dân cư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt và đời sống của người dân vào các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Hướng dẫn nội dung chuyên tiếp áp dụng đối với các đề án/nhiệm vụ khuyến công đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh trước thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết tại kỳ họp này khi đang áp dụng theo cơ chế tại Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) và Nghị quyết số 81/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình để tránh vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 5 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

b) Nghị quyết số 81/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khoá IX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 20 tháng 5 năm 2026./.*

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Công Thương;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, P.CT HĐND (L).

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Quang**

## QUY ĐỊNH

### Nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/5/2026)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-BTC hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

4. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

#### Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công thuộc nhiệm vụ của cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## Chương II

### NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

#### Điều 4. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình.

2. Chi hỗ trợ mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình.

**Điều 5. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**

1. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở.

2. Chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ, mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 6. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất công nghiệp**

Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình.

**Điều 7. Chi hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh**

Chi hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để số hóa dữ liệu, tự động hóa quy trình sản xuất, kinh doanh cho các cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

**Điều 8. Chi hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn**

Chi hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

**Điều 9. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn**

Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân

lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

**Điều 10. Chi hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn**

Chi hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn, có quy mô phòng trưng bày diện tích tối thiểu 20 m<sup>2</sup>, trong đó, ngoài trưng bày các sản phẩm của cơ sở được hỗ trợ còn trưng bày tối thiểu 10 sản phẩm công nghiệp nông thôn khác của tỉnh đã được cấp thẩm quyền công nhận; bao gồm các chi phí: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày.

1. Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia còn hiệu lực: Mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày.

2. Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh còn hiệu lực: Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.

**Điều 11. Chi hỗ trợ tổ chức, bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu**

1. Chi tổ chức công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu: Đối với cấp tỉnh chi không quá 150 triệu đồng/lần tổ chức, đối với cấp xã, chi không quá 30 triệu đồng/lần tổ chức.

2. Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn: Được cấp Giấy chứng nhận cấp tỉnh, mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/sản phẩm, bộ sản phẩm; được cấp Giấy chứng nhận cấp xã, mức hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/sản phẩm, bộ sản phẩm.

3. Chi Lễ tôn vinh, trao Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/lần tổ chức.

4. Chi tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia (chi phí thu gom, tập hợp, hoàn thiện hồ sơ, vận chuyển, cán bộ quản lý), mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/lần tổ chức.

**Điều 12. Chi hỗ trợ tổ chức thi thợ giỏi, thiết kế mẫu sản phẩm, các hoạt động xét tặng, trao tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ**

Chi hỗ trợ tổ chức thi thợ giỏi, thi thiết kế mẫu sản phẩm, các hoạt động xét tặng, trao tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. Mức chi áp dụng theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

**Điều 13. Chi hỗ trợ tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ trong, ngoài nước**

1. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ, triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

2. Chi tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 14. Chi hỗ trợ xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn**

1. Chi hỗ trợ xử lý môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn, bao gồm hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

2. Chi hỗ trợ xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, bao gồm hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 1.000 triệu đồng/Cụm công nghiệp

#### **Điều 15. Chi hỗ trợ đào tạo nghề của các cơ sở công nghiệp nông thôn**

Chi hỗ trợ đào tạo nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động. Chương trình và hình thức đào tạo nghề chủ yếu là: kèm cặp nghề, truyền nghề, tập nghề; chương trình bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; chương trình chuyển giao công nghệ. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

#### **Điều 16. Chi hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp**

Chi hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

#### **Điều 17. Chi hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công**

1. Chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; các lớp tập huấn, nâng cao năng lực, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ khuyến công; sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

2. Chi hỗ trợ xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác về phát triển ngành công thương. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo Luật đấu thầu; trường hợp đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi xây dựng, duy trì và phổ biến cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về hoạt động phát triển công nghiệp, hoạt động khuyến công; xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn và kế hoạch khuyến công hàng năm. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

4. Chi nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chi quản lý chương trình, đề án khuyến công.

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu; chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công (riêng đề án ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được chi không quá 4%) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

### **Điều 18. Chi công tác khen thưởng**

Chi khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp và hoạt động khuyến công trên địa bàn. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.